

Số: 87/2020/QĐST-HNGĐ

TT, ngày 25 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 21, xã HX, huyện TT, tỉnh P.

- *Bị đơn:* Chị **Hoàng Thị L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 1, xã HX, huyện TT, tỉnh P.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về tài sản chung:

Năm 2008 anh T và chị L đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 18/2008/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2008 của TAND huyện TT, trong vụ án này anh, chị chưa giải quyết về tài sản chung. Nay anh T, chị L đề nghị Tòa án Công nhận sự thỏa thuận về tài sản theo biên bản tự thỏa thuận phân chia tài sản ngày 15/8/2020 như sau:

Hai bên có thửa đất 140; Tờ bản đồ số 12; diện tích 285,9m² trong đó có 281,3m² đất ở nông thôn và 4,6 m² đất trồng cây lâu năm; tại khu 1, xã HX, huyện TT, tỉnh P.

Giao cho anh T trực tiếp sử dụng:

Phần đất diện tích 93,3 m² đất ở, tại thửa đất 140; Tờ bản đồ số 12, theo Giấy CNQSD đất số CL 364414 do UBND huyện TT cấp ngày 27/10/2017, có sơ đồ thửa đất kèm theo; theo chỉ giới **1- 2- 8-9-10- 1.**

- Phía trước giáp đường giao thông có kích thước 5m.
- Phía sau giáp đất ông Tr có kích thước 1,3m + 3,7m
- Phía trái giáp đất chị N có kích thước 18,9m
- Phía phải giáp đất giao cho chị L có kích thước 18,5m

Giao cho chị L trực tiếp sử dụng:

+ Phần đất diện tích 192,6m² trong đó có 188m² đất ở nông thôn và 4,6 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất 140; Tờ bản đồ số 12, theo Giấy CNQSD đất số CL 364414 do UBND huyện TT cấp ngày 27/10/2017, có sơ đồ thửa đất kèm theo; theo chỉ giới **2- 3- 4- 5- 6-7- 8- 2.**

- Phía trước giáp đường giao thông có kích thước 2,6m + 6,8m.
- Phía sau giáp đất ông Tr, ông Th có kích thước 2,6m + 7,4m + 2,0m.
- Phía phải giáp đất ông Q có kích thước 17,7m
- Phía trái giáp đất giao cho anh T có kích thước 18,5m

2.2 Về tài sản riêng:

+ 01 ngôi nhà cấp IV, lợp tấm Fi bro xi măng diện tích 70m² xây trên diện tích đất trên, đây là tài sản riêng của chị Hoàng Thị L.

Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Hai bên tự thỏa thuận phân chia tài sản trước khi Tòa án hòa giải nên không phải chịu tiền án phí.

Trả lại cho anh T 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0000593 ngày 13/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Viết Tú